Product sheet

Hs 611. Tế bào T | 305915

Thông tin chung

Description	Hs 611.T là một dòng tế bào u lympho Hodgkin cổ điển (cHL) ở người, được phân lập từ hạch bạch huyết của một phụ nữ da trắng 48 tuổi. Dòng tế bào này có nguồn gốc từ u lympho Hodgkin thể xơ hóa nốt (nodular sclerosis), một trong những thể phổ biến nhất của cHL, với đặc điểm giàu tế bào T. Hs 611.T phát triển trong môi trường lơ lửng với hình thái giống tế bào lymphoblast. Các dòng tế bào có nguồn gốc từ u lympho Hodgkin tương đối hiếm do sự khan hiếm của các tế bào Hodgkin Reed-Sternberg (HRS) ác tính trong khối u; Hs 611.T cung cấp một mô hình in vitro quý giá về sinh học của cHL. Hs 611.T có thể được ứng dụng trong nghiên cứu ung thư hạch Hodgkin, bao gồm các nghiên cứu về tín hiệu tế bào HRS, hoạt động của con đường NF-κB, điều hòa con đường JAK-STAT, biểu hiện kháng nguyên bề mặt (bao gồm CD30, CD15, CD25), cũng như phản ứng với các liệu pháp nhắm mục tiêu vào u lympho Hodgkin như brentuximab vedotin (ADC chống CD30). Dòng tế bào này cũng được sử dụng trong các xét nghiệm miễn dịch để đánh giá sự ức chế tế bào T, sự tiết cytokine và các tương tác trong môi trường vi mô khối u đặc trưng của cHL. Là dòng tế bào được phân loại BSL-2, dòng tế bào này yêu cầu các biện pháp cách ly thích hợp.
Organism	Con người
Tissue	Hạch bạch huyết
Disease	U lympho Hodgkin
Metastatic site	Hạch bạch huyết
Applications	Nghiên cứu về ung thư hạch Hodgkin; Các nghiên cứu về con đường tín hiệu NF-κB và JAK-STAT; Các xét nghiệm biểu hiện CD30/CD15/CD25; Các nghiên cứu về hiệu quả của brentuximab vedotin; Môi trường vi mô khối u; Nghiên cứu về liệu pháp miễn dịch
Synonyms	Hs-611-T, Hs611T, HS611T

Đặc điểm

Age	48 năm
Gender	Nữ
Ethnicity	Người da trắng
Morphology	Tế bào lymphoblast-like
Cell type	Tế bào lymphoblast B

Hs 611. Tế bào T | 305915

Growth properties	Hệ thống treo

Dữ liệu quy định

Citation	Hs 611.T (Mã sản phẩm Cytion 305915)
Biosafety level	1
NCBI_TaxID	9606
CellosaurusAccession	CVCL_0823

Dữ liệu sinh học phân tử

Xử lý

Culture Medium	DMEM, chứa: 4,5 g/L glucose, chứa: 4 mM L-glutamine, chứa: 3,7 g/L $NaHCO_3$, chứa: 1,0 mM natri pyruvate (số hiệu sản phẩm Cytion 820300a)
Supplements	Bổ sung 10% huyết thanh bò phôi (FBS) vào môi trường nuôi cấy
Dissociation Reagent	Không có
Doubling time	khoảng 24 đến 48 giờ
Subculturing	Pha loãng môi trường nuôi cấy xuống nồng độ 3–5 × 10^5 tế bào/ml bằng môi trường nuôi cấy hoàn chỉnh mới đã được làm ấm sẵn. Có thể tiến hành ly tâm (300×g, 5 phút) khi cần thay môi trường nuôi cấy. Đếm số tế bào còn sống trước khi cấy lại để duy trì mật độ tối ưu. Không cần thực hiện quá trình tách tế bào bằng enzym.
Split ratio	1 đến 3
Seeding density	2 đến 4 × 10^5 tế bào/ml
Fluid renewal	Mỗi 2 đến 3 ngày
Freeze medium	Với tư cách là môi trường bảo quản đông lạnh, chúng tôi sử dụng môi trường tăng trưởng hoàn chỉnh + 10% DMSO để đảm bảo độ sống sót sau khi rã đông.

Hs 611. Tế bào T | 305915

Thawing and Culturing Cells	1. Xác nhận rằng ống nghiệm vẫn được đông lạnh sâu khi giao hàng, vì tế bào được vận chuyển trên đá khô để duy trì nhiệt độ tối ưu trong quá trình vận chuyển. 2. Khi nhận hàng, hãy bảo quản ống nghiệm đông lạnh ngay lập tức ở nhiệt độ dưới -150°C để đảm bảo tính toàn vẹn của tế bào, hoặc tiến hành bước 3 nếu cần nuôi cấy ngay lập tức. 3. Để nuôi cấy ngay lập tức, hãy rã đông ống nghiệm nhanh chóng bằng cách ngâm nó trong bồn nước 37°C với nước sạch và chất kháng khuẩn, khuấy nhẹ trong 40-60 giây cho đến khi còn lại một khối băng nhỏ. 4. Thực hiện tất cả các bước tiếp theo trong điều kiện vô trùng trong tủ hút khí, khử trùng ống cryovial bằng cồn 70% trước khi mở. 5. Mở ống đã khử trùng một cách cẩn thận và chuyển hỗn hợp tế bào vào ống ly tâm 15 ml chứa 8 ml môi trường nuôi cấy ở nhiệt độ phòng, khuấy nhẹ. 6. Ly tâm hỗn hợp ở 200 x g trong 5 phút, cẩn thận loại bỏ dịch trên chứa môi trường đông lạnh. 7. Thực hiện theo quy trình mô tả trong phần Phục hồi sau khi rã đông
Incubation Atmosphere	37°C, 5% $_{CO_2}$, môi trường ẩm.
Shipping Conditions	Các dòng tế bào được bảo quản bằng phương pháp đông lạnh được vận chuyển trên đá khô trong bao bì cách nhiệt đã được kiểm định, kèm theo lượng chất làm lạnh đủ để duy trì nhiệt độ khoảng −78 °C trong suốt quá trình vận chuyển. Khi nhận hàng, hãy kiểm tra ngay lập tức bao bì và chuyển các ống nghiệm sang nơi lưu trữ phù hợp mà không chậm trễ.
Storage Conditions	Để bảo quản lâu dài, hãy đặt ống nghiệm vào nitơ lỏng ở pha hơi ở nhiệt độ khoảng −150 đến −196 °C. Việc bảo quản ở −80 °C chỉ được chấp nhận như một bước trung gian ngắn hạn trước khi chuyển sang nitơ lỏng.

Kiểm soát chất lượng và phân tích phân tử